

Số: /BC-UBND

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2025

BÁO CÁO

Định hướng phát triển kinh tế số, đổi mới sáng tạo và thúc đẩy hoạt động khoa học công nghệ tỉnh Đồng Tháp, giai đoạn 2025-2030

Tiếp nhận Công văn số 541-CV/ĐU ngày 22/10/2025 của Đảng ủy Ủy ban nhân dân Tỉnh về chuẩn bị nội dung báo cáo tại Hội nghị triển khai, quán triệt Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 – 2030; Ủy ban nhân dân Tỉnh báo cáo như sau:

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra mạnh mẽ trên toàn cầu, việc phát triển kinh tế số, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và đẩy mạnh hoạt động khoa học công nghệ không chỉ là xu thế tất yếu mà còn là động lực chiến lược để tạo ra sự bứt phá về năng suất, chất lượng và năng lực cạnh tranh quốc gia. Đây là yêu cầu cấp thiết và là yếu tố cốt lõi cho tăng trưởng bền vững.

Bộ Chính trị, Chính phủ cũng đặc biệt quan tâm và ban hành các văn bản như: Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; Quyết định số 950/QĐ-TTg ngày 01/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018 - 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;... và gần đây nhất là Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. **Đây là 01/07 Nghị quyết chiến lược và là đột phá quan trọng hàng đầu đưa đất nước phát triển bứt phá, giàu mạnh trong kỷ nguyên mới.** Và để triển khai thực hiện Ban Chấp hành Trung ương thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (do đồng chí Tổng Bí thư làm Trưởng ban Chỉ đạo); thành lập các Tổ công tác để theo dõi, đôn đốc các cơ quan đảng, bộ, ngành và địa phương; phát động phong trào “Bình dân học vụ số”.

Chính phủ ban hành Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 03/NQ-

CP; thành lập Ban Chỉ đạo của Chính phủ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 (*do đồng chí Thủ tướng Chính phủ làm Trưởng ban Chỉ đạo*); thành lập các Tổ công tác để theo dõi, đôn đốc các Bộ, ngành và địa phương.

Thực hiện chủ trương của Trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã thành lập Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Đồng Tháp (*do đồng chí Bí thư làm Trưởng ban Chỉ đạo*); ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Kế hoạch thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Kế hoạch triển khai phong trào “*Bình dân học vụ số*” trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp...

Ủy ban nhân dân Tỉnh thành lập Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 tỉnh Đồng Tháp; ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Chương trình hành động số 10-CTr/TU ngày 13/8/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp; Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Đồng Tháp năm 2025; Kế hoạch triển khai phong trào “*Bình dân học vụ số*” trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp; Kế hoạch thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị...

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Với sự lãnh đạo quyết liệt của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân Tỉnh cùng sự vào cuộc đồng bộ của các cấp, các ngành đã đạt nhiều kết quả tích cực: **giai đoạn 2020 - 2025, quan tâm bố trí 0,382% tổng chi ngân sách hằng năm cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số** (*năm 2020 là 0,326%, năm 2021 là 0,355%, năm 2022 là 0,736%, năm 2023 là 0,382%, năm 2024 là 0,240%, năm 2025 là 0,315%*); **tỷ lệ doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số đạt 62,58 %**; **quy mô kinh tế số trên GRDP, năm 2024 đạt tỉnh Đồng Tháp (cũ) 6,52% và tỉnh Tiền Giang đạt 6,68%**; **chỉ số chuyển đổi số (DTI) năm 2024, tỉnh Đồng Tháp (cũ) xếp thứ 27/34 tỉnh, thành**; **chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII), xếp thứ 18/34 tỉnh, thành...** Cụ thể:

1. Về phát triển kinh tế số, hạ tầng số, xã hội số

a) Về phát triển kinh tế số

Tỉnh tập trung thúc đẩy kinh tế số trên các nhóm ngành, lĩnh vực trọng tâm:

- **Thương mại điện tử:** Tỷ lệ dân số tham gia mua sắm trực tuyến đạt 60,82 %; 100% các giao dịch mua hàng trên website/ứng dụng TMĐT có hoá đơn điện tử; 100 % xã, phường có thương nhân thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa hoặc cung ứng dịch vụ trực tuyến; 70% doanh nghiệp có trang thông tin điện tử, cập

nhật thường xuyên thông tin giới thiệu và bán sản phẩm; 95 % doanh nghiệp ứng dụng TMĐT trong hoạt động kinh doanh; 100 % đơn vị cung cấp dịch vụ điện, nước, viễn thông, truyền thông triển khai hợp đồng điện tử và chấp nhận thanh toán không dùng tiền mặt; 100 % siêu thị, trung tâm mua sắm, chuỗi cửa hàng tiện lợi chấp nhận thanh toán không dùng tiền mặt; 100% sản phẩm OCOP của Tỉnh có mặt trên các sàn thương mại điện tử; 62,56% nông dân biết ứng dụng công nghệ IoT vào quy trình sản xuất, mua bán trực tuyến.

- **Du lịch:** Lắp đặt 77 thiết bị wifi thông minh tại 29 điểm du lịch. Công thông tin du lịch tỉnh Đồng Tháp đăng tải tin, bài thông tin sự kiện, hoạt động du lịch tiêu biểu trên địa bàn tỉnh, cập nhật thường xuyên các sản phẩm, dịch vụ du lịch mới, thực hiện hiệu quả việc tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu về vùng đất, con người, tài nguyên, sản phẩm, dịch vụ du lịch Đồng Tháp dựa trên nền tảng số. Thực hiện liên kết Website với 18 cơ quan của các tỉnh, thành để cùng nhau hỗ trợ tuyên truyền, quảng bá hình ảnh, con người, tiềm năng thế mạnh du lịch của địa phương, đã đạt gần 10 triệu lượt truy cập.

- **Nông nghiệp:** Phát triển nông nghiệp công nghệ cao, thông minh; quản lý mã số vùng trồng trên phần mềm, cập nhật nhật ký canh tác điện tử. Ứng dụng phần mềm chuyên ngành về phòng, chống thiên tai; hỗ trợ đưa sản phẩm nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử, truy xuất nguồn gốc bằng QR code; lắp đặt hệ thống giám sát dịch hại bằng bẫy đèn tại vùng trọng điểm lúa. Vận hành CSDL tài nguyên - môi trường, kết nối dữ liệu đất đai Tỉnh với Bộ; xây dựng hệ thống thông tin, CSDL về môi trường, biến đổi khí hậu, phục vụ quản lý, chia sẻ dữ liệu và ứng phó biến đổi khí hậu.

- **Giao thông:** Triển khai hệ thống thông tin quản lý kết cấu hạ tầng giao thông: gồm các phân hệ bản đồ số bản đồ hạ tầng đường bộ; bản đồ hạ tầng đường thủy; hỗ trợ theo dõi, giám sát cán bộ thực hiện công tác tuần đường; quản lý các tuyến xe, lịch trình tuyến xe, điểm dừng, đơn vị vận tải, tích hợp giám sát hành trình của các đơn vị vận tải về hệ thống, cho phép người dân tra cứu thông tin các tuyến xe cố định, xe buýt;...

b) Về phát triển hạ tầng số

- **Hạ tầng viễn thông phục vụ phát triển xã hội số:** được nâng cao chất lượng dịch vụ; mạng di động 4G phủ sóng đến tất cả các khu vực trên địa bàn Tỉnh; tỷ lệ phủ sóng 5G đạt 5%. Hạ tầng băng rộng cáp quang, Internet cáp quang tốc độ cao đã đến 100% xã, phường; Internet di động băng rộng phủ sóng 100% địa bàn, đáp ứng nhu cầu sử dụng của người dân, doanh nghiệp và phục vụ chuyển đổi số của chính quyền. Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy nhập băng rộng cố định với tốc độ trên 1Gbps/s trên địa bàn Tỉnh đạt 5%.

- **Hạ tầng trung tâm dữ liệu:** Trung tâm giám sát điều hành thông minh Tỉnh (IOC) và các IOC địa phương (gồm IOC phường Cao Lãnh, phường Hồng Ngự và phường Sa Đéc) thực hiện nhiệm vụ phát triển, vận hành các nền tảng chuyển đổi số, đô thị thông minh. An toàn, an ninh mạng trong cơ quan nhà nước được đảm bảo. Các hệ thống thông tin trọng yếu của tỉnh đặt tại Trung tâm Tích

hợp dữ liệu tỉnh Đồng Tháp; hiện có 03 địa điểm đảm bảo các phương án dự phòng gồm: 01 địa điểm đặt tại Ủy ban nhân dân Tỉnh (*do Trung tâm Chuyển đổi số Tiền Giang quản lý*); 01 địa điểm đặt tại Trung tâm Chuyển Đổi số Đồng Tháp (cũ); 01 địa điểm đặt thuê tại VNPT Tỉnh.

c) Về cung cấp dịch vụ công trực tuyến, phát triển Chính phủ số

- ***Các hệ thống thông tin của tỉnh*** vận hành ổn định, thông suốt, hỗ trợ hiệu quả chính quyền 2 cấp và đã tích hợp 100% dịch vụ công trực tuyến lên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Các chỉ số chính đạt được: tỷ lệ thủ tục hành chính (TTHC) được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa Trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền của địa phương đạt 28,8 %; tỷ lệ TTHC liên quan đến đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh được thực hiện trực tuyến đạt 100%; tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC được số hóa đạt 84,5 %; tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số TTHC có đủ điều kiện đạt 68,8%; tỷ lệ hồ sơ TTHC xử lý trực tuyến đạt 63,06%.

- ***Hệ thống thông tin báo cáo và Cổng dữ liệu mở của Tỉnh*** được cập nhật thường xuyên, phục vụ lãnh đạo chỉ đạo/điều hành; phục vụ người dân, doanh nghiệp tra cứu thông tin. Kho dữ liệu dùng chung và nền tảng dữ liệu mở được cập nhật, nghiên cứu, phát triển, tạo sản phẩm và dịch vụ mới, cung cấp thông tin cho công chúng.

- ***Hệ thống thông tin giải quyết TTHC Tỉnh*** đã liên thông với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, lý lịch tư pháp, dịch vụ công liên thông (khai sinh, khai tử), cơ sở dữ liệu hộ tịch và phần mềm đăng ký đất đai. Tỉnh đang tiếp tục kết nối cơ sở dữ liệu doanh nghiệp, hộ kinh doanh. Hiện, 52,94% cơ sở dữ liệu tỉnh đã liên thông với Trung ương và 100% dữ liệu sở, ngành được chia sẻ qua trục LGSP cấp tỉnh.

- ***Đổi mới cơ chế một cửa, một cửa liên thông gắn với số hóa hồ sơ và giải quyết TTHC không phụ thuộc địa giới hành chính.*** Mục tiêu nâng cao chất lượng phục vụ, tăng năng suất, góp phần hình thành công dân số, doanh nghiệp số trong xây dựng chính phủ số, kinh tế số và xã hội số. Việc này đã được triển khai hiệu quả ở các thủ tục như cấp phiếu lý lịch tư pháp, cấp giấy phép lái xe,...

- ***Tỉnh chỉ đạo quyết liệt số hóa hồ sơ và kết quả giải quyết TTHC***, xem đây là nền tảng xây dựng Chính phủ số, đổi mới dịch vụ công. Qua đó, góp phần nâng cao hiệu quả giải quyết TTHC, tiết kiệm chi phí cho người dân, doanh nghiệp; tăng cường khả năng bảo mật, lưu trữ tài liệu và thuận tiện tra cứu thông tin. Hiện 100% đảng ủy, chính quyền cấp xã sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất.

d) Về quản trị điều hành trên môi trường số

- Tỉnh đã đạt kết quả tích cực trong chuyển đổi số nhờ các giải pháp đồng bộ, góp phần hiện đại hóa hành chính, nâng cao hiệu quả hoạt động và phục vụ người dân, doanh nghiệp tốt hơn.

- Đưa vào khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu dùng chung theo danh mục đã ban hành của bộ, ngành, địa phương để phát triển kinh tế - xã hội. Nền tảng, tích hợp chia sẻ dữ liệu tỉnh đã kết nối đến Nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu quốc

gia với 15 dịch vụ đến các bộ, ngành Trung ương và kết nối nội Tỉnh; triển khai Kho dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh, phục vụ hiệu quả giao dịch trực tuyến.

- Triển khai các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực, vùng theo danh mục đã được ban hành, bảo đảm hoạt động thống nhất, liên thông của các ngành, lĩnh vực trên môi trường số. Tỉnh đang vận hành 07 hệ thống thông tin/ cơ sở dữ liệu chính (*hạ tầng đa ngành, nông nghiệp, công an, giao thông, y tế, giáo dục, văn hóa - thể thao, du lịch*). Đồng thời, đã ban hành danh mục 38 cơ sở dữ liệu dùng chung và 126 dữ liệu mở của Tỉnh.

- Bên cạnh phần mềm dùng chung, hầu hết các đơn vị, địa phương đã triển khai nhiều phần mềm chuyên ngành (*kế toán, nhân sự, hộ tịch, BHXH, thuế, kho bạc...*) để phục vụ điều hành và nghiệp vụ.

đ) Về phát triển xã hội số, công dân số

- ***Trong lĩnh vực y tế, bảo hiểm xã hội (BHXH):*** Triển khai sử dụng thẻ căn cước thay thẻ Bảo hiểm y tế trong khám chữa bệnh: 393/393 cơ sở áp dụng (đạt 100%); liên thông dữ liệu khám sức khỏe lái xe, giấy chứng sinh, giấy báo tử.

- ***Triển khai các giải pháp thanh toán không dùng tiền mặt:*** chi trả chế độ an sinh xã hội, chế độ BHXH đối tượng bảo trợ xã hội (đạt 52,97%); đối tượng người có công (đạt 41,28%); chi trả lương hưu hàng tháng qua ATM 30.659/39.066 người (đạt 78,5%); thực hiện chi trả BHXH 01 lần qua ATM 38.550/39.452 người (đạt 97,7%); 1.107/1.107 đơn vị giáo dục triển khai đóng học phí không dùng tiền mặt).

- ***Công dân số:*** đến ngày 16/9/2025, địa bàn tỉnh có 3.740.548 công dân có thẻ căn cước/căn cước công dân (*còn 425.716 công dân chưa được cấp thẻ căn cước*), đã thu nhận 2.770.140 tài khoản định danh điện tử, kích hoạt 2.558.821 tài khoản định danh điện tử. Tỷ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID) đạt 78,65%; Tỷ lệ người dân trưởng thành có chữ ký số đạt 5,78%.

e) Về triển khai thúc đẩy chuyển đổi số liên thông phục vụ mô hình chính quyền 02 cấp:

- Đã thống nhất lựa chọn một hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính để vận hành sau sáp nhập, đồng thời tiếp tục duy trì hệ thống cũ nhằm phục vụ công tác lưu trữ, tra cứu và bảo đảm việc tái sử dụng hiệu quả các giấy tờ, kết quả đã được số hóa; tích hợp 100% dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, đáp ứng mô hình Cổng Dịch vụ công quốc gia trở thành điểm “*một cửa sổ*” tập trung, duy nhất theo chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ, Văn phòng Chính phủ.

- Đã cấp kinh phí **45,9 tỷ đồng cho 102 xã, phường** (450 triệu đồng/đơn vị) và đang tiếp tục rà soát, dự kiến bố trí thêm **gần 186 tỷ đồng** để xây dựng mới, cải tạo trụ sở và **80 tỷ đồng** để bổ sung thiết bị cho Trung tâm hành chính công cấp xã theo mẫu thống nhất chung toàn Tỉnh.

2. Về đổi mới sáng tạo

Tỉnh đã có nhiều hoạt động thiết thực, hiệu quả nhằm thúc đẩy đổi mới sáng tạo và phát triển thị trường công nghệ, khởi nghiệp sáng tạo và doanh nghiệp khoa học và công nghệ, cụ thể giai đoạn 2021 - 2025:

- Đưa vào vận hành thí điểm Không gian làm việc chung Hỗ trợ Doanh nghiệp và Khởi nghiệp. Triển khai các chương trình, hoạt động kết nối cộng đồng khởi nghiệp trong và ngoài tỉnh; tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ doanh nhân, doanh nghiệp trong Tỉnh. Bên cạnh đó, Dự án Đầu tư Không gian Khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo tỉnh Đồng Tháp cũng đã được khởi công xây dựng với định hướng sẽ là trung tâm kết nối cộng đồng khởi nghiệp trong và ngoài Tỉnh với đội ngũ chuyên gia, các đối tác hỗ trợ khởi nghiệp. Đồng thời, cung cấp các tiện ích hỗ trợ về không gian làm việc chung, dịch vụ văn phòng, thiết bị, máy móc hỗ trợ hoạt động nghiên cứu và phát triển sản phẩm.

- Tổ chức nhiều sự kiện quan trọng: Diễn đàn Khởi nghiệp Đồng bằng sông Cửu Long lần I và lần II được tổ chức trong năm 2022, 2024 với nhiều hoạt động thiết thực, thu hút sự tham gia của gần 1.500 đại biểu là lãnh đạo các Bộ, ngành Trung ương, lãnh đạo các tỉnh/thành phố trong khu vực, chuyên gia trong nước, quốc tế, đại diện các cơ quan ngoại giao, tổ chức quốc tế, các hiệp hội ngành hàng, các doanh nghiệp lớn, các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, học sinh, sinh viên quan tâm đến khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Cuộc thi “Sáng kiến Mekong” năm 2024: đã tuyển chọn 10 dự án nổi bật tham gia Vòng chung kết trong số 136 dự án đến từ 18 tỉnh, thành phố trên cả nước. Cuộc thi “Ý tưởng, dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Tiền Giang” năm 2023, 2024: đã trao giải thưởng cho 30 ý tưởng, dự án xuất sắc.

- Tích cực hỗ trợ các hoạt động kết nối đổi mới sáng tạo, cụ thể: Hỗ trợ 64 triệu đồng cho 05 đơn vị tham gia các sự kiện công nghệ lớn (*Ngày hội khởi nghiệp đổi mới sáng tạo vùng đồng bằng sông Cửu Long - Techfest Mekong 2022, Techfest Quảng Nam và Techfest Quốc gia 2024*). Tổ chức 03 Hội nghị kết nối cung - cầu công nghệ trong tỉnh. Các hoạt động này giúp doanh nghiệp tiếp cận, chuyển giao công nghệ mới, qua đó thúc đẩy thị trường khoa học công nghệ và nâng cao năng lực cạnh tranh cho sản phẩm địa phương.

- Thực hiện chuyên mục tuyên truyền, phóng sự chia sẻ kinh nghiệm của 03 điển hình khởi nghiệp đổi mới sáng tạo thành công trên địa bàn Tỉnh.

- Về chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII), xếp thứ 18/34 tỉnh, thành. Hiện nay, trên địa bàn Tỉnh có 28 doanh nghiệp KHCN; 24 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; có 01 trung tâm đổi mới sáng tạo (thuộc Sở Tài chính). Trong giai đoạn từ năm 2010 - 2024, Tỉnh có 16 văn bằng về sáng chế, giải pháp hữu ích (*Đồng Tháp cũ có 03 văn bằng về sáng chế, 05 văn bằng về giải pháp hữu ích; Tiền Giang có 08 văn bằng về giải pháp hữu ích*). Trong năm 2024, tỉnh Đồng Tháp có 38 sáng kiến khu vực công được công nhận nhằm phục vụ công tác chỉ đạo điều hành.

3. Về thúc đẩy hoạt động khoa học và công nghệ

- Trong giai đoạn 2021 - 2025, tỷ trọng đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh Đồng Tháp đạt 55,88%; triển khai 132 nhiệm vụ khoa học và công nghệ (*cấp tỉnh: 80; cấp cơ sở: 52*), nghiệm thu 140 nhiệm vụ (*cấp tỉnh: 89; cấp cơ sở: 51*), chuyển giao nhiệm vụ 139 (*cấp tỉnh: 86; cấp cơ sở: 53*). Các nhiệm vụ triển khai đã góp phần đào tạo nguồn nhân lực có trình độ sau đại học (*15 thạc sĩ*), 112 quy trình, 131 mô hình, 114 tài liệu, 08 bản đồ, 05 phần mềm và nhiều công trình được các tạp chí khoa học trong và ngoài nước công bố thông tin (*267 bài báo trong nước, 38 bài báo ngoài nước*). Công tác phổ biến, tuyên truyền và ứng dụng tiến bộ KHCN hiện đại vào sản xuất và đời sống ngày càng được triển khai sâu rộng và mang lại hiệu quả thiết thực; góp phần nâng cao nhận thức và trình độ ứng dụng KHCN của nhân dân, từng bước tiếp thu, làm chủ, sáng tạo công nghệ tiên tiến và hiện đại, tạo điều kiện để các tiến bộ kỹ thuật đến với sản xuất nhanh hơn.

- Các nhiệm vụ KHCN trong thời gian qua được triển khai hiệu quả, bám sát thực tiễn và chủ trương của Tỉnh. Về kinh tế, các nhiệm vụ giúp phát triển sản phẩm chủ lực dựa trên lợi thế vùng miền và ứng dụng công nghệ cao, nâng cao năng suất, chất lượng. Về xã hội, các nhiệm vụ góp phần nghiên cứu, bảo tồn và phát huy di sản văn hóa địa phương để phục vụ công tác tuyên truyền, giáo dục.

- Công tác hỗ trợ đăng ký, quản lý và phát triển sở hữu trí tuệ (SHTT) cho các sản phẩm chủ lực của Tỉnh được triển khai hiệu quả, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh. Đến nay, Tỉnh đã có 59 nông sản được Cục SHTT cấp giấy chứng nhận (*gồm 04 chỉ dẫn địa lý, 42 nhãn hiệu chứng nhận và 15 nhãn hiệu tập thể*). Việc khai thác hiệu quả các tài sản trí tuệ này đã nâng cao uy tín, giá trị sản phẩm, thúc đẩy du lịch và nông nghiệp. Ngoài ra, Tỉnh đã hỗ trợ trên 2,23 tỷ đồng cho 369 hồ sơ đăng ký kiểu dáng, nhãn hiệu; hỗ trợ 85 doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản lý chất lượng, trong đó có 04 doanh nghiệp đạt Giải Vàng Chất lượng Quốc gia.

- Tỉnh đã ký kết thoả thuận hợp tác với 08 viện, trường chuyên ngành. Nội dung ký kết hợp tác tập trung vào nghiên cứu, chuyển giao KHCN, đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực, liên kết trao đổi thông tin và chia sẻ tiềm lực KHCN, tư vấn KHCN và phản biện chính sách. Tiếp tục đẩy mạnh việc triển khai các nhiệm vụ trong kế hoạch phối hợp giữa UBND tỉnh Đồng Tháp với Bộ Khoa học và Công nghệ, nghiệm thu 02 nhiệm vụ KHCN đều được xếp loại “Đạt”: đề tài “*Nghiên cứu xây dựng làng thông minh phát triển từ mô hình Hội quán nông dân của tỉnh Đồng Tháp*”; đề tài “*Xây dựng CSDL đất đai phục vụ tái cơ cấu nông nghiệp tỉnh Đồng Tháp*”.

III. HẠN CHẾ, NGUYÊN NHÂN

1. Hạn chế

Tuy đã đạt được những kết quả nhất định nhưng tốc độ và sự bứt phá về phát triển KHCN, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh vẫn còn chậm. Quy mô, tiềm lực và trình độ KHCN, chuyển đổi số còn hạn chế; các hoạt động nghiên

cứu và ứng dụng KHCN, đổi mới sáng tạo còn nhỏ lẻ. Các chính sách về KHCN chưa hỗ trợ được nhiều cho các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn. Hạ tầng công nghệ số tiên tiến, hiện đại chưa được đầu tư đồng bộ. Tỉnh chưa xây dựng được chính sách, môi trường làm việc đủ sức hấp dẫn để thu hút nhân tài về cống hiến.

Mức độ “*trung bình khá*” của các chỉ số PII và DTI là một tín hiệu cảnh báo về tiềm năng chưa được khai thác đầy đủ, đặc biệt trong bối cảnh sắp xếp đơn vị hành chính và thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp. Trong xu thế toàn cầu sâu rộng cùng với sự phát triển mạnh mẽ của Cách mạng công nghiệp 4.0 và chuyển đổi số, việc duy trì mức độ “*trung bình khá*” đồng nghĩa với việc có nguy cơ bị tụt hậu so với các địa phương khác.

Một điểm yếu lớn trong năng lực nội sinh về đổi mới sáng tạo là sự thiếu quan tâm đầu tư từ doanh nghiệp và hệ sinh thái khởi nghiệp còn manh mún. Một hệ sinh thái đổi mới sáng tạo sôi động phụ thuộc rất nhiều vào sự tham gia của khu vực tư nhân và một cộng đồng khởi nghiệp mạnh mẽ. Nếu các doanh nghiệp không đầu tư vào nghiên cứu, phát triển (R&D), chuyển đổi số và hệ sinh thái khởi nghiệp thiếu vốn và sự kết nối thì việc tạo ra các giải pháp công nghệ và sản phẩm đổi mới của riêng mình sẽ bị hạn chế. Điều này dẫn đến sự phụ thuộc vào chuyển giao công nghệ từ bên ngoài hoặc việc áp dụng cơ bản, thay vì thúc đẩy năng lực nội tại thực sự để tạo ra đột phá. Tính “*manh mún*” của hệ sinh thái khởi nghiệp cho thấy sự thiếu hợp tác và các cấu trúc hỗ trợ hiệp đồng, gây cản trở sự tăng trưởng và thương mại hóa các ý tưởng đổi mới. Điều này nhấn mạnh nhu cầu cấp thiết về các chính sách không chỉ khuyến khích đầu tư kinh doanh mà còn chủ động xây dựng và kết nối các thành phần của một hệ sinh thái đổi mới, bao gồm cả vốn đầu tư mạo hiểm.

Bên cạnh đó, Tỉnh còn đối mặt với các thách thức khác như thiếu nguồn nhân lực chất lượng cao về công nghệ. Trình độ KHCN, năng lực tiếp cận thị trường và công nghệ của doanh nghiệp, liên kết hệ sinh thái đổi mới sáng tạo còn yếu, doanh nghiệp nhỏ chưa mạnh dạn đầu tư công nghệ. Các chỉ số phát triển kinh tế số và chuyển đổi số còn ở mức trung bình khá, mức độ tự chủ công nghệ của doanh nghiệp còn thấp; số lượng doanh nghiệp KHCN và startup chưa nhiều; hạ tầng số cấp xã chưa đồng đều; hoạt động nghiên cứu và ứng dụng KHCN tại địa phương còn phân tán, thiếu liên kết vùng.

2. Nguyên nhân của hạn chế

- *Nguyên nhân khách quan*: Sự thiếu đồng bộ của các cơ chế, chính sách từ cấp Trung ương; hệ thống các văn bản chính sách cho hoạt động KHCN, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số còn có những nội dung khó triển khai chưa được sửa đổi, thay thế kịp thời. Nguồn lực của tỉnh đầu tư cho KHCN, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số chưa cao.

- *Nguyên nhân chủ quan*: Nguồn lực đầu tư, đặc biệt là nhân lực và tài chính chưa đáp ứng yêu cầu phát triển. Hạ tầng số chưa đồng bộ, đặc biệt ở vùng nông thôn. Tỉnh còn thiếu cơ chế chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào KHCN và đổi mới sáng tạo; hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo còn manh mún, thiếu tính liên kết và chưa có các quỹ đầu tư mạo hiểm. Hoạt động nghiên cứu

khoa học và phát triển công nghệ còn chậm đổi mới, thiếu tập trung, trong đó các doanh nghiệp chưa thật sự quan tâm đầu tư cho KHCN và chuyển đổi số.

- *Riêng về vận hành chính quyền 02 cấp*: tổng số lượng cán bộ, công chức, viên chức các xã, phường không thiếu so với định biên theo quy định. Tuy nhiên, có tình trạng thừa, thiếu cục bộ giữa các xã, phường. Trong đó, **thừa**: chủ yếu ngành luật, hành chính; **thiếu**: chủ yếu ngành công nghệ thông tin; đất đai, môi trường; xây dựng; nông nghiệp; tài chính; y tế...

Do tận dụng cơ sở vật chất một số xã, phường hiện có; một số ít xã, phường cần phải được sửa chữa, nâng cấp trụ sở; cơ sở hạ tầng thiếu đồng bộ, thiếu thiết bị để vận hành tốt các hệ thống thông tin. Do tận dụng, điều chuyển các thiết bị máy tính, máy in từ các phòng chuyên môn cấp huyện, cấp xã (*cũ*) để bố trí cho cấp xã (*mới*), cấu hình thấp, chưa bảo đảm an toàn thông tin. Cụ thể: **(1)** Đối với Trung tâm phục vụ hành chính cấp xã: **có 18/102** đơn vị tận dụng trụ sở huyện, thành phố (*trước sắp xếp*); **09/102** đơn vị sử dụng Trung tâm học tập cộng đồng; **63/102** đơn vị bố trí chung trụ sở xã, phường (*sau sắp xếp*); **12/102** đơn vị bố trí tại các trụ sở dôi dư sau sắp xếp; **(2)** Về trang thiết bị, các xã, phường sử dụng Trung tâm phục vụ hành chính của UBND huyện, thành phố trước đây bảo đảm phục vụ công việc tốt; các đơn vị còn lại chỉ đáp ứng nhu cầu cơ bản ở giai đoạn đầu, **thiếu trang thiết bị nâng cao như Ki-ốt thông minh; màn hình hiển thị phục vụ tra cứu thông tin** và đánh giá mức độ hài lòng; máy lấy số tự động, máy đọc chip...; **(3)** Nhiều người dân chưa biết sử dụng máy vi tính, không có điện thoại thông minh hoặc tài khoản ngân hàng, dẫn đến khó khăn trong thao tác và thanh toán trực tuyến khi thực hiện dịch vụ hành chính công. Người dân vẫn có thói quen đến trực tiếp trụ sở để làm thủ tục.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM ĐẾN NĂM 2030

Thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đột phá Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030. Trong đó, **phấn đấu tỷ lệ kinh tế số và ứng dụng AI trong GRDP 15 - 20%; bố trí 3% tổng chi ngân sách hàng năm cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số...**

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

- Quán triệt sâu sắc, đổi mới mạnh mẽ tư duy, thống nhất và nâng cao nhận thức trong toàn hệ thống chính trị về vai trò, tầm quan trọng chiến lược của KHCN, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đối với sự phát triển thịnh vượng của Tỉnh và quốc gia trong kỷ nguyên mới.

- Cấp ủy, tổ chức đảng các cấp phải xây dựng chương trình, kế hoạch, đề án cụ thể nhằm phát triển kinh tế số, đổi mới sáng tạo, thúc đẩy KHCN phù hợp với yêu cầu và thực tiễn của ngành, địa phương; xác định đây là những nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên, liên tục, lâu dài. Trong quá trình triển khai, cần đề cao vai trò và trách nhiệm trực tiếp của người đứng đầu; đồng thời, phát huy tính tiên phong, gương mẫu của đội ngũ cán bộ, đảng viên.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động bằng nhiều hình thức đa dạng, sáng tạo để tạo sự đồng thuận xã hội và huy động sức mạnh của toàn dân. Kịp thời tôn vinh, khen thưởng những tập thể, cá nhân xuất sắc để tạo động lực và lan tỏa tinh thần đổi mới sáng tạo trong cộng đồng.

2. Xây dựng thể chế, cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển kinh tế số, đổi mới sáng tạo, khoa học và công nghệ

- Cụ thể hóa kịp thời các quy định pháp luật, chính sách mới của Trung ương; sửa đổi đồng bộ chính sách đất đai, đầu tư, thủ tục hành chính, sở hữu trí tuệ, thuế và tín dụng, nhằm tháo gỡ vướng mắc và tạo môi trường thuận lợi cho phát triển KHCN, đổi mới sáng tạo (ĐMST), chuyển đổi số (CDS). Nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật bằng công cụ số và cơ chế giám sát minh bạch. Bảo đảm các chính sách ban hành có tính khả thi, phù hợp với thực tiễn địa phương. Đẩy mạnh hỗ trợ tiếp cận vốn và tín dụng ưu đãi cho các dự án công nghệ cao. Thí điểm chính sách khuyến khích doanh nghiệp địa phương đầu tư dây chuyền, thiết bị hiện đại.

- Xây dựng và triển khai cơ chế, chính sách đặc thù nhằm phát triển KH, CN, ĐMST và CDS như: (1) chính sách thu hút tạo nguồn nhân lực trong khu vực công từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ công tác tại tỉnh Đồng Tháp; (2) chính sách khuyến khích đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ; vinh danh nhà khoa học ý tưởng sáng tạo sáng chế, sáng kiến đột phá và giải thưởng khoa học công nghệ tỉnh Đồng Tháp; (3) quy định mức thu phí, lệ phí không đồng trong thực hiện dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp; (4) chính sách khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp; (5) chính sách đặc thù về cơ chế tài chính phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; (6) chính sách ưu đãi đầu tư, hỗ trợ tài chính, đối với các tổ chức, cá nhân trong nghiên cứu, thử nghiệm, ứng dụng, phát triển, sản xuất sản phẩm, dịch vụ công nghệ số, thu hút doanh nghiệp công nghệ số;...

- Đổi mới phương thức quản lý các nhiệm vụ KHCN; đổi mới cơ chế quản lý tài chính theo hướng phát huy, tôn trọng quyền tự chủ trong hoạt động KHCN. Hướng tới cơ chế đặt hàng các nhiệm vụ KHCN (đối với các chuyên gia, nhà khoa học, các nhóm nghiên cứu lớn ở các viện nghiên cứu, trường đại học). Thực hiện cơ chế khoán chi tới sản phẩm cuối cùng khi thực hiện nhiệm vụ KHCN (đặc biệt là các nhiệm vụ KHCN có tính liên ngành, có ảnh hưởng sâu rộng đến kinh tế - xã hội của Tỉnh). Hỗ trợ đầu tư mạo hiểm, thử nghiệm sandbox, khấu trừ thuế cho chi phí đầu tư vào nghiên cứu – phát triển.

- Xây dựng Chương trình nghiên cứu đột phá về phát triển nông nghiệp công nghệ cao của Tỉnh. Trong đó bao gồm: xây dựng hạ tầng kỹ thuật, xây dựng các nhóm nghiên cứu mạnh, xây dựng những nội dung quan trọng nhằm phát triển nông nghiệp công nghệ cao, xác định nguồn vốn đầu tư công; chọn 1-2 lĩnh vực mũi nhọn để xây dựng chương trình nghiên cứu bài bản, có nguồn lực rõ ràng và

gắn với sản phẩm thực tế, có sự tham gia của địa phương, doanh nghiệp, Đại học quốc gia TP.Hồ Chí Minh và các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn Tỉnh,...

- Phát động phong trào thi đua trong toàn Tỉnh nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị, sự tham gia tích cực của doanh nhân, doanh nghiệp và Nhân dân để thực hiện thành công chuyển đổi số; đồng thời, chú trọng biểu dương, tôn vinh, khen thưởng, động viên kịp thời bằng nhiều hình thức đa dạng đối với các nhà khoa học, nhà sáng chế, doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân có thành tích trong lĩnh vực này.

- Cơ cấu lại ngân sách KHCN và CDS theo hướng tập trung, hiệu quả; xây dựng chương trình đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030; hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp trích lập quỹ phát triển KHCN; thực hiện cơ chế khuyến khích mua sắm công đối với sản phẩm nghiên cứu trong nước; đẩy mạnh đơn giản hóa TTHC thông qua ứng dụng công nghệ số, cung cấp dịch vụ công trực tuyến chất lượng cao. Đồng thời, tăng cường thu hút doanh nghiệp công nghệ đầu tư và hỗ trợ nâng cao năng lực nghiên cứu của các viện, trường trên địa bàn Tỉnh.

3. Phát triển kinh tế số

a) Tập trung phát triển công nghiệp công nghệ số

- Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh để tạo điều kiện phát triển, thu hút doanh nghiệp phát triển sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghệ số, KHCN và ĐMST. Xây dựng cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ cho doanh nghiệp thực hiện các nhiệm vụ KHCN và CDS phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

- Nghiên cứu các chế độ, chính sách phát triển, thu hút doanh nghiệp công nghệ số nhằm tăng số lượng và nâng cao chất lượng của các doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn Tỉnh; các chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp công nghệ số khai thác tốt thị trường chuyển đổi số trong Tỉnh.

- Xây dựng Công viên công nghệ thông tin của Tỉnh tham gia vào chuỗi công viên phần mềm Quang Trung. Tiếp tục đẩy mạnh phát triển Không gian khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo là nơi kết nối nguồn lực, hỗ trợ sự phát triển doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

- Công bố danh mục các bài toán lớn về KHCN, ĐMST và CDS của Tỉnh để các doanh nghiệp công nghệ số tham gia giải quyết.

b) Phát triển dữ liệu số

- Hoàn thiện các CSDL dùng chung của tỉnh, CSDL chuyên ngành; đảm bảo dữ liệu “đúng”, “đủ”, “sạch”, “sống” đối với dữ liệu tại Kho dữ liệu dùng chung, kho dữ liệu mở; đảm bảo tích hợp, đồng bộ dữ liệu từ địa phương về Trung tâm dữ liệu quốc gia. Hoàn thiện dữ liệu số về nông nghiệp, tài nguyên môi trường, giao thông, công nghiệp, cấp thoát nước, y tế, giáo dục, du lịch,...

- Xây dựng và phát triển các nền tảng cung cấp các công nghệ số (IoT, trí tuệ nhân tạo - AI, dữ liệu lớn, chuỗi khối, điện toán đám mây, an ninh mạng,...), làm hạ tầng mềm phát triển kinh tế - xã hội. Đẩy mạnh ứng dụng các công nghệ này (đặc biệt là AI, IoT, Big Data) trong quản lý môi trường và xây dựng đô thị

thông minh nhằm nâng cao chất lượng sống người dân. Phân đầu đến năm 2030, hơn 70% HTTT của Tỉnh vận hành trên nền tảng điện toán đám mây.

- Hoàn thiện và nâng cấp Trục liên thông văn bản Tỉnh (LGSP) để đảm bảo liên thông, tích hợp và đồng bộ dữ liệu giữa các hệ thống theo Khung kiến trúc chính quyền số 4.0. Mục tiêu là hơn 85% dữ liệu của các ban, sở, ngành được tích hợp với nền tảng chia sẻ LGSP, hơn 80% cơ sở dữ liệu của tỉnh được số hóa và liên thông tới Trung ương.

- Khai thác sử dụng dữ liệu và ứng dụng AI đối với 100% TTHC có đủ điều kiện cung cấp trực tuyến, nâng cao hiệu quả của bộ máy hành chính nhà nước và cung cấp dịch vụ công. Phân đầu đạt: 100% TTHC được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa Trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền; 100% TTHC liên quan đến đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh được thực hiện trực tuyến; 100% giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc”; 100% hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC được số hóa; 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số TTHC có đủ điều kiện; hơn 80% người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID); hơn 10% người dân có chữ ký số; hơn 80% người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến và giao dịch không dùng tiền mặt.

- Thực hiện số hóa dữ liệu về hạ tầng giao thông công cộng, phương tiện giao thông, dữ liệu về kho, bãi và các trung tâm logistics một cách kịp thời, hỗ trợ giải quyết tốt những vấn đề khó khăn, vướng mắc của ngành giao thông và đáp ứng được nhu cầu xây dựng chuỗi cung ứng giao nhận - kho vận và logistics.

- Thường xuyên kiểm tra, hoàn thiện Công dữ liệu mở tỉnh Đồng Tháp và đảm bảo cung cấp, cập nhật kịp thời các bộ dữ liệu mở cho các cơ quan, doanh nghiệp và người dân tra cứu, khai thác sử dụng.

c) Tập trung thúc đẩy kinh tế số các nhóm ngành, lĩnh vực trọng tâm

- ***Nông nghiệp hiện đại:*** Phát triển hệ sinh thái nông nghiệp số tích hợp hệ thống cơ sở dữ liệu số ngành nông nghiệp đồng bộ từ cấp tỉnh đến cấp xã. Xây dựng nền tảng kết nối cung cầu, quảng bá sản phẩm nông nghiệp. Thúc đẩy phát triển thương mại điện tử trong nông nghiệp, tăng tỷ trọng giá trị tăng thêm của nông nghiệp trong việc ứng dụng chuyển đổi số. Ứng dụng công nghệ số (dữ liệu lớn, IoT, viễn thám) để số hóa dữ liệu và tự động hóa quy trình sản xuất nông nghiệp gắn với bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên. Thúc đẩy nông dân tham gia các hoạt động ứng dụng công nghệ số vào quy trình sản xuất, cung cấp dịch vụ nông nghiệp thông qua việc “số hóa dữ liệu liên quan đến sản xuất” tiến đến “số hóa, tự động hóa quy trình sản xuất” và “chuyển đổi số toàn diện trong sản xuất”. Đào tạo, tập huấn nâng cao kỹ năng về chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số cho nông dân, hội quán, hợp tác xã, tổ hợp tác,...

- ***Thương mại điện tử (TMĐT):*** Đẩy mạnh chuyển đổi số trong doanh nghiệp, hỗ trợ hộ kinh doanh và hợp tác xã ứng dụng TMĐT để sản xuất, kinh doanh và phân phối sản phẩm, đặc biệt là nông sản chủ lực của tỉnh. Ứng dụng sâu rộng các công nghệ số (AI, IoT,...) trong TMĐT nhằm tối ưu hóa quy trình,

nâng cao trải nghiệm người dùng và mở rộng thị trường. Tăng cường kết nối các chủ thể kinh doanh với các nền tảng và ứng dụng số thúc đẩy TMĐT.

- **Du lịch tích hợp công nghệ:** Tiếp tục nâng cấp Cổng thông tin du lịch tỉnh và đẩy mạnh phát triển hệ sinh thái du lịch số. Thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện trong quản lý, xúc tiến, quảng bá điểm đến, đồng thời ứng dụng rộng rãi AI và IoT. Nâng cao kỹ năng số cho doanh nghiệp và người lao động ngành du lịch. Gắn kết Du lịch số với các "làng thông minh" và kết nối sản phẩm địa phương với du khách thông qua nền tảng số. Tăng cường liên kết giữa các doanh nghiệp du lịch với các nhà cung cấp nền tảng và ứng dụng số.

- **Sản xuất tích hợp công nghệ:** Thúc đẩy ứng dụng công nghệ số và tự động hóa trong sản xuất, ưu tiên các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp chế biến. Xây dựng mô hình nhà máy hiện đại, trang trại ứng dụng công nghệ, hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã áp dụng các giải pháp IoT, AI, dữ liệu lớn trong quản lý, vận hành và tối ưu quy trình sản xuất. Hỗ trợ doanh nghiệp, cá nhân triển khai sandbox để phát triển, thử nghiệm và áp dụng các sản phẩm, giải pháp, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới dựa trên công nghệ số nhằm thúc đẩy khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh trên địa bàn Tỉnh. Có cơ chế, chính sách khuyến khích chuyển đổi mô hình sản xuất kinh doanh truyền thống sang mô hình sản xuất tích hợp công nghệ.

- **Logistics tích hợp công nghệ:** Ứng dụng công nghệ số trong quản lý và phân tích logistics, xây dựng hệ thống quản lý phân tích logistics, quản lý đăng ký thông tin vận tải trên môi trường số; hiện đại hóa mạng lưới và dịch vụ bưu chính, dịch vụ chuyển phát theo hướng phát triển thành hạ tầng cho thương mại điện tử. Kết nối các doanh nghiệp logistics trên địa bàn với các doanh nghiệp cung cấp nền tảng số và ứng dụng số trong sản xuất.

d) Quản trị số

- Tập trung xây dựng nền tảng Quản trị số tập trung, đảm bảo tích hợp, liên thông các hệ thống, cơ sở dữ liệu và dịch vụ công. Triển khai Kho dữ liệu dùng chung cấp tỉnh, kết nối với dữ liệu quốc gia, làm cơ sở ra quyết định dựa trên dữ liệu. Đẩy mạnh số hóa, cải cách TTHC và nâng cao hiệu quả dịch vụ công trực tuyến để phục vụ tối đa người dân, doanh nghiệp.

- Ứng dụng AI và phân tích dữ liệu lớn trong chỉ đạo, điều hành các lĩnh vực kinh tế, xã hội, môi trường, nông nghiệp, y tế. Phát triển Chính quyền số cấp xã đồng bộ, gắn với nâng cao năng lực số cho cán bộ cơ sở. Tăng cường đảm bảo An toàn, An ninh mạng thông qua bảo vệ hệ thống và tổ chức đào tạo, diễn tập định kỳ, nhằm thiết lập nền tảng Chính quyền số hiệu lực, hiệu quả, công khai, minh bạch.

4. Thúc đẩy đổi mới sáng tạo và khoa học công nghệ

a) Triển khai đồng bộ, hoàn thiện hạ tầng cho phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo

- Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các đơn vị sự nghiệp công lập (nông nghiệp, KH-CN, y tế, môi trường, giáo dục) để trở thành các tổ

chức KHCN mạnh, có khả năng nghiên cứu, tiếp nhận, chuyển giao và ứng dụng tiến bộ KHCN hiện đại. Mục tiêu có hơn 06 tổ chức KHCN công lập trực thuộc tỉnh và hơn 25% doanh nghiệp vừa và nhỏ hợp tác nghiên cứu, phát triển với viện/trường.

- Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất và đào tạo, bồi dưỡng nhân lực cho Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng và dịch vụ KHCN, Trung tâm Chuyển đổi số (thuộc Sở Khoa học và Công nghệ) đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh.

- Nghiên cứu, phát triển hạ tầng chất lượng của Tỉnh phù hợp với định hướng phát triển hạ tầng chất lượng quốc gia, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương, tiêu chuẩn cơ sở phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế đối với các công nghệ, sản phẩm mới, sản phẩm xuất khẩu, sản phẩm chủ lực của Tỉnh nhằm đáp ứng yêu cầu của thị trường trong nước và quốc tế.

- Hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi để thành lập và phát triển tổ chức trung gian của thị trường KHCN. Tiếp tục vận hành và phát triển Sàn giao dịch công nghệ, thiết bị tỉnh Đồng Tháp (trực tiếp, trực tuyến); hướng đến kết nối một cách đồng bộ với các sàn (trung tâm) giao dịch công nghệ của vùng, quốc gia, các tổ chức khoa học và công nghệ tại các viện nghiên cứu, trường đại học.

- Xây dựng Đề án phát triển vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn Tỉnh. Đầu tư hạ tầng Khu thực nghiệm công nghệ sinh học kêu gọi đầu tư các dự án sản xuất trong lĩnh vực công nghệ sinh học.

b) Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp

- Đưa vào hoạt động Không gian Khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo tỉnh Đồng Tháp để kết nối, cung cấp dịch vụ hỗ trợ cho cá nhân, nhóm, và doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo. Thúc đẩy phong trào sáng kiến, cải tiến kỹ thuật thông qua các chuỗi hoạt động ươm tạo ý tưởng, hình thành dự án và thương mại hóa sản phẩm. Phấn đấu đến năm 2030 có hơn 07 vườn ươm, trung tâm đổi mới sáng tạo; 70 doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn; hơn 150 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hơn 30% doanh nghiệp có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh.

- Khuyến khích, hướng dẫn và hỗ trợ doanh nghiệp thành lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ, hình thành bộ phận nghiên cứu và phát triển. Triển khai kịp thời các cơ chế, chính sách hỗ trợ của Trung ương và của Tỉnh cho các doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo. Hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn ưu đãi, Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia, Quỹ phát triển khoa học và công nghệ địa phương. Phấn đấu mỗi năm có hơn 30 dự án đổi mới sáng tạo được hỗ trợ từ ngân sách tỉnh, tạo ra ít nhất 60 sản phẩm đổi mới sáng tạo được thương mại hóa.

- Tiếp tục hỗ trợ tạo lập và phát triển tài sản trí tuệ trong nước và nước ngoài cho các sản phẩm đặc thù, có thế mạnh của Tỉnh nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường trong và ngoài nước. Khuyến khích, hỗ trợ các

doanh nghiệp bảo hộ quyền SHTT, nâng cao hiệu quả quản trị và khai thác quyền tài sản trí tuệ. Phần đầu mỗi năm có hơn 40 đơn đăng ký SHTT (*sáng chế, giải pháp hữu ích, nhãn hiệu công nghiệp,...*).

- Tiếp nhận đề xuất, đặt hàng nghiên cứu; hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao KHCN, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số. Phần đầu mỗi năm có hơn 50 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh triển khai, hơn 40 công trình khoa học và công nghệ cấp tỉnh được nghiệm thu, hơn 60% kết quả khoa học và công nghệ được ứng dụng thực tiễn sau 12 tháng nghiệm thu.

c) Tăng cường hợp tác trong nước và quốc tế về khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Thực hiện hiệu quả các kế hoạch, chương trình hợp tác với các viện nghiên cứu, trường đại học (như ĐHQG TP.HCM, ĐH Cần Thơ) và các doanh nghiệp.

- Mở rộng liên kết và phối hợp với các nhà khoa học, viện, trường, trung tâm nghiên cứu để nâng cao năng lực nghiên cứu ứng dụng KHCN. Xây dựng cơ chế liên kết, hình thành mạng lưới trung tâm chuyển giao công nghệ, tăng cường gắn kết viện/trường với doanh nghiệp. Tổ chức các hoạt động (triển lãm, diễn đàn, chợ công nghệ) để giới thiệu, chuyển giao công nghệ mới.

- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế để nghiên cứu, chuyển giao và làm chủ công nghệ mới, tiên tiến phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Tổ chức tham quan, học tập kinh nghiệm phát triển KHCN, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại các quốc gia tiên tiến.

5. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

- Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC) thông qua việc đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ, CNTT và kỹ năng chuyển đổi số. Đến năm 2030, có hơn 600 cá nhân nghiên cứu KHCN toàn tỉnh.

- Phát huy vai trò của các trường đại học, cao đẳng trong đào tạo nhân lực chất lượng cao (đặc biệt là công nghệ thông tin, công nghệ sinh học) và nghiên cứu ứng dụng KHCN.

- Tạo điều kiện, cơ chế đặt hàng để chuyên gia, nhà khoa học tham gia thực hiện các nhiệm vụ KHCN ưu tiên, nhất là trong lĩnh vực kinh tế số và công nghệ số.

- Xây dựng môi trường làm việc thuận lợi, tạo động lực cho đội ngũ cán bộ KHCN và chuyên gia đầu ngành tích cực hợp tác, cống hiến cho sự phát triển của Tỉnh.

- Tổ chức các chương trình đào tạo kỹ năng số, quản trị hiện đại cho cán bộ quản lý; xây dựng kho học liệu mở và nền tảng học tập trực tuyến; triển khai hiệu quả Đề án số 11-ĐA/TU về đào tạo nhân lực chất lượng cao.

- Đẩy mạnh định hướng nghề nghiệp sớm, tăng cường giáo dục STEM/STEAM và phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo trong các cơ sở giáo dục.

- Thúc đẩy hợp tác với các trường đại học, viện nghiên cứu uy tín; đổi mới chương trình và hiện đại hóa phương thức đào tạo (ứng dụng Cloud, AI...).

- Xây dựng cơ chế liên kết giữa tổ chức KHCN, trường đại học, doanh nghiệp để hình thành mạng lưới trung tâm chuyển giao công nghệ.

- Tổ chức triển lãm, diễn đàn, sàn giao dịch công nghệ để giới thiệu và chuyển giao kết quả nghiên cứu mới.

- Riêng nhân lực phục vụ chính quyền 02 cấp giai đoạn hiện nay: đưa đi đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ nhân sự hiện có; điều động nhân sự từ xã, phường thừa sang xã, phường thiếu. Trong đó, đối với nhân lực phụ trách chuyển đổi số tại cấp xã, phường: **(1)** Tiếp tục tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên sâu về công nghệ thông tin, kỹ năng số và chuyển đổi số; **(2)** Xây dựng đội ngũ “hạt nhân số” theo đó mỗi xã, phường lựa chọn ít nhất 02 cán bộ trẻ có năng lực công nghệ thông tin để đào tạo, bồi dưỡng làm nòng cốt; **(3)** Kiện toàn và **thành lập mới 1.583 Tổ Công nghệ số cộng đồng cùng Đội phản ứng nhanh với 9.554 thành viên tại các xã, phường**, nhằm hỗ trợ trực tiếp người dân theo phương châm “cầm tay chỉ việc”, đồng thời kịp thời có mặt khi người dân cần trợ giúp hoặc khi các hệ thống gặp sự cố trong quá trình vận hành; **(4)** Phát huy hiệu quả phong trào “Bình dân học vụ số”; khuyến khích người dân tự học tập trên nền tảng số để nắm bắt công nghệ, ứng dụng hiệu quả vào kinh tế và đời sống, thúc đẩy kinh tế số, xã hội số.

V. ĐỀ NGHỊ

1. Bộ Khoa học và Công nghệ sớm triển khai Khung kiến trúc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp Bộ, cấp tỉnh. Trong đó sử dụng 01 Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thống nhất, tập trung; các Bộ, ngành xây dựng Hệ thống thông tin chuyên ngành thống nhất từ Trung ương đến cấp xã, tích hợp lên Cổng dịch vụ công quốc gia và thống nhất chính sách chung về thu phí, lệ phí và phi địa giới hành chính.

2. Các địa phương khẩn trương tổ chức mua sắm trang thiết bị, công cụ, dụng cụ cần thiết phục vụ hoạt động của Trung tâm Hành chính công cấp xã; đồng thời tiếp tục rà soát, đề xuất bổ sung các trang thiết bị tại Ủy ban nhân dân cấp xã nhằm bảo đảm thực hiện hiệu quả nhiệm vụ của chính quyền hai cấp và đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong thời gian tới./.

Nơi nhận:

- Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy;
- Ban Thường vụ ĐUUBND Tỉnh;
- CT và các PCT UBND Tỉnh;
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- VPUB: CVP và các PCVP;
- Lưu: VT, KGVX(KD).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Huỳnh Minh Tuấn